

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**  
Bản án số:84/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 23-07-2021  
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***  
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Vĩ.  
***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn C Chính  
2. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh  
***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:*** Ông Phạm Trường Xuân- chức vụ kiểm sát viên.

Ngày 23/07/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 318/2021/HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:82/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/07/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H – sinh năm:1990(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

-Bị đơn: Ông Phạm C- sinh năm: 1979(Vắng mặt).

Địa chỉ: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Tôi và ông Phạm C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/10/2009.

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cãi vã chửi bới lẫn nhau. Vào cuối năm 2018 ông C bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm, tình yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm C.

Về con chung: Tôi và ông C có 03 con chung: Cháu Phạm Thụy Như Q; sinh ngày 06/09/2009 và cháu Phạm Thụy Trà M; sinh ngày 26/09/2012 và cháu Phạm Gia B; sinh ngày 15/6/2014.

Từ khi ly thân 03 cháu ở với tôi, các cháu hiện đang học ổn định tại phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Để ổn định tâm lý học hành và không tách các cháu ra mỗi cháu một nơi khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi 03 con chung đến tuổi thành niên vì tôi điều kiện và thời gian nuôi con chung còn ông C không có điều kiện và thời gian vì ông C thường xuyên đi làm thuê không có thời gian chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2]. Đối với bị đơn ông Phạm C: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông C không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn đã chấp hành tốt tuy nhiên đối với bị đơn chưa chấp hành tốt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H cho bà H được ly hôn với ông C và giao 3 con chung cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H và bị đơn ông Phạm C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm

a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Qua xác minh thì được biết: Ông Phạm C vẫn cư trú vẫn đang cư trú ở Tổ dân phố 8, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Phạm C đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 07 tháng 07 năm 2021. Tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa bà H và ông C là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng bà H và ông C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà H yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa bà H và ông C không còn tình yêu, gắn bó với nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các C việc trong gia đình. Như vậy, giữa bà H và ông C không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà H và ông C là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H và cho bà H được ly hôn với ông C.

-Về con chung: Bà H và ông C có 03 con chung là: Cháu Phạm Thụy Như Q; sinh ngày 06/09/2009 và cháu Phạm Thụy Trà M; sinh ngày 26/09/2012 và cháu Phạm Gia B; sinh ngày 15/6/2014.

Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) vì bà H có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng của bà H là chính đáng vì từ khi ly thân đến nay bà H đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 cháu và không để ảnh hưởng đến tâm lý và điều kiện học hành và xét nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với bà H nên cần giao cháu Phạm Thụy Như Q; sinh ngày 06/09/2009 và cháu Phạm Thụy Trà M; sinh ngày 26/09/2012 và cháu Phạm Gia B; sinh ngày 15/6/2014 cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Phạm C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thụy Như Q; sinh ngày 06/09/2009 và cháu Phạm Thụy Trà M; sinh ngày 26/09/2012 và cháu Phạm Gia B; sinh ngày 15/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Phạm C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0003925 ngày 23/04/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND P.Khánh Xuân
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Vĩ**